

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

DƯƠNG VĂN HUY (chủ biên, 2021), **Thích ứng của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc từ sau Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 424 tr.

Đông Nam Á vốn là khu vực địa chiến lược quan trọng, từ lâu đã trở thành đối tượng tiếp cận tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn trên thế giới. Với việc Trung Quốc điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển mới từ sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc, vai trò và vị trí của khu vực Đông Nam Á ngày càng quan trọng đối với nước này. Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã tăng tốc trong tiến trình gia tăng ảnh hưởng đối với khu vực Đông Nam Á nhằm thúc đẩy chiến lược quốc gia của mình và cạnh tranh với các nước lớn khác, nhất là với Mỹ và Nhật Bản. Đứng trước bối cảnh này, các quốc gia Đông Nam Á cũng đã nhanh chóng điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình nhằm thích ứng tốt hơn với cục diện mới. Nội dung sách tập trung nghiên cứu sự thích ứng của 4 quốc gia Đông Nam Á hải đảo (gồm: Indonesia, Philippines, Malaysia và Singapore) trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc chủ yếu vào giai đoạn từ sau Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sách gồm 4 chương.

Chương 1 phân tích các nhân tố bên trong của Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á hải đảo cùng sự chuyển biến môi trường quốc tế và khu vực.

Chương 2 bàn về sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ngày càng mạnh mẽ và ngày càng sâu sắc trên cả phương diện song phương và đa phương đối với khu vực Đông Nam Á nói chung và đối với các quốc gia Đông Nam Á hải đảo nói riêng, nhằm phục vụ cho các đại chiến lược của Trung Quốc hiện nay.

Chương 3 trình bày nội dung và cách thức thích ứng của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo đối với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Theo đó, về cơ bản các nước thực hiện chính sách ngoại giao phòng ngừa trong quan hệ với Trung Quốc nhằm gia tăng khai thác lợi ích kinh tế và ngăn ngừa rủi ro về mặt an ninh.

Chương 4 đánh giá tác động và xu thế thích ứng của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo đối với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc.

TV.

LÊ XUÂN SANG (chủ biên, 2021), **Các rào cản tăng trưởng kinh tế Việt Nam - nhận dạng và giải pháp gỡ bỏ trong bối cảnh mới**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 344 tr.

Cuốn sách là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ “Kinh tế Việt Nam 2018-2019: Tháo gỡ các rào cản tăng trưởng” với mục tiêu nhằm đề xuất hệ thống định hướng, giải pháp gỡ bỏ các rào cản đối với tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng có chất lượng ở Việt Nam trong trung và dài hạn trên cơ sở đánh giá thực trạng đóng góp các nhân tố sản xuất, nhận dạng các rào cản tăng trưởng và nguyên nhân trong thời gian qua, tính đến các cơ hội, thách thức trong bối cảnh mới của đất nước. Sách gồm 4 chương.

Chương 1 phân tích bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam giai đoạn 2016-2019 theo các nhân tố tác động trực tiếp lên tăng trưởng kinh tế theo ba góc độ: từ các cấu thành của tổng cầu và tổng cung và tác động của 3 nhóm nhân tố là thời thế, vị trí địa kinh tế - địa chính trị và nhân hòa/lòng tin.

Chương 2 nhận diện các rào cản hiện hữu chủ yếu đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam theo các nhóm nhân tố sản xuất (vốn, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp).

Chương 3 đánh giá các nỗ lực của Việt Nam trong việc dỡ bỏ rào cản tăng trưởng kinh tế trong thời gian gần đây, phân tích các thành tựu, hạn chế và nguyên nhân.

Chương 4 đưa ra các quan điểm, định hướng và các giải pháp chính sách dỡ bỏ các rào cản tăng trưởng kinh tế Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030, tính đến bối cảnh phát triển mới.

QT.

NGUYỄN SONG TÙNG (chủ biên, 2021), **Quản lý đất ngập nước gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển đồng bằng sông Hồng**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 416 tr.

Khu vực đất ngập nước vùng ven biển đồng bằng sông Hồng được đánh giá có mức đa dạng sinh học cao thể hiện ở sự đa dạng các kiểu đất ngập nước, đặc biệt là rừng ngập mặn, bãi triều và vùng nước cửa sông là các hệ sinh thái đặc thù, quan trọng của địa phương và quốc gia. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, đất ngập nước vùng này đang chịu sức ép rất lớn bởi quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và những tác động của biến đổi khí hậu. Việc quản lý tốt các vùng đất ngập nước này sẽ có vai trò to lớn để duy trì tính bền vững và khả năng cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước, một mặt đảm bảo an ninh lương thực và đóng góp phát triển kinh tế vùng, mặt khác điều hòa khí hậu, cân bằng vật chất của các hệ sinh thái, giảm nhẹ thiên tai và các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu ở vùng ven biển.

Ba chương sách tập trung làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý đất ngập nước và mối quan hệ với phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển (chương 1); phân tích thực trạng quản lý, sử dụng của ba loại hình đất ngập nước chính (đất lúa nước, đất rừng ngập mặn, đất nuôi trồng thủy sản) có vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển đồng

bằng sông Hồng (chương 2); từ đó đưa ra giải pháp quản lý đất ngập nước gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển đồng bằng sông Hồng (chương 3).

TV.

PHẠM LAN OANH (chủ biên, 2021), **Văn hóa dân gian biển đảo vùng Nam bộ**, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 404 tr.

Nam bộ là vùng dân cư đông đúc, sinh sống trải rộng trên địa bàn 9 tỉnh, các cộng đồng cư dân ven biển và đảo, hải đảo Nam bộ đã đóng góp cho nền văn hóa Việt Nam nhiều giá trị đặc sắc và mang nét đặc trưng văn hóa Nam bộ. Cuốn sách góp phần làm rõ hơn về văn hóa dân gian của cộng đồng cư dân này qua 3 loại hình là văn hóa khai thác biển, văn hóa thích ứng biển và văn hóa bảo vệ chủ quyền quốc gia vùng biển. Sách gồm 3 chương.

Chương 1 đề cập đến không gian văn hóa Nam bộ và văn hóa dân gian biển đảo Nam bộ, từ địa lý hành chính của các tỉnh thuộc Nam bộ, đặc điểm lịch sử vùng đến chủ thể, khách thể văn hóa dân gian biển đảo Nam bộ.

Chương 2 tiếp cận các thành tố của văn hóa dân gian biển đảo như nghệ thuật ngữ văn dân gian (những lời ca dao, điệu hò trên sông nước, các bài vè, câu lý,...); tín ngưỡng và lễ hội (tín ngưỡng thờ cúng cá Ông/cá voi, Đại Càn Quốc Gia Nam hải Tự vị Thánh nương, tục thờ cúng âm hồn,...); tri thức dân gian (những hiểu biết về thiên nhiên thời tiết, tri thức dân gian về một số nghề, tri thức về ẩm thực,...); nghệ thuật kiến trúc và tạo hình dân gian (lăng, đình, miếu, chùa); nghệ thuật trình diễn dân gian.

Chương 3 bàn về việc bảo tồn, phát huy giá trị của văn hóa dân gian biển đảo Nam bộ như giá trị lịch sử, giá trị phản ánh con người vùng biển đảo Nam bộ hơn 300 năm qua.

TA.